

Số **40**-BC/HU

*Đơn Dương, ngày **01** tháng **7** năm 2021*

**BÁO CÁO**

**Tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

-----

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 26-NQ/TW  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

**I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CỦA CẤP ỦY ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, các Kết luận số 97-KL/TW và số 54-KL/TW của Bộ Chính trị của các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể ở địa phương**

Ngay sau khi có Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008, Huyện ủy đã triển khai việc học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết trong toàn Đảng bộ, ngoài việc tổ chức học tập, quán triệt, đã có nhiều hình thức tuyên truyền Nghị quyết đến với cán bộ, đảng viên, nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị tổ chức phổ biến cho đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân thông qua sinh hoạt tổ chức đoàn thể, hội thi, tuyên truyền cổ động...

Công tác tuyên truyền, học tập quán triệt Nghị quyết được thực hiện rộng rãi và hiệu quả, hình thức đa dạng, nội dung phong phú; nhận thức của cán bộ công chức, đảng viên và quần chúng nhân dân về vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông dân, nông thôn ngày càng được nâng lên.

Kết quả tổ chức các lớp học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết của cấp huyện và cấp xã là 12 lớp, trong đó cấp huyện 02 lớp, cấp xã 10 lớp. Tổng số người tham gia học tập Nghị quyết là 2.200 người, trong đó cán bộ chủ chốt 300 người, cán bộ công chức 600 người, nhân dân 1.300 người. Ngoài ra, Nghị quyết 26-NQ/TW còn được tuyên truyền, phổ biến qua các lớp tập huấn chương trình xây dựng nông thôn mới, tập huấn cho cán bộ hội hàng năm của huyện.

Trong 13 năm đã có nhiều tin, bài, ảnh, phóng sự đăng tải, phát sóng trên các phương tiện thông tin đại chúng; hầu hết tại các cuộc hội nghị lớn của tỉnh, của huyện, lãnh đạo các cấp đều dành thời lượng nhất định để nắm tình hình, kịp thời định hướng nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn trở thành một trong những nội dung quan trọng trong chương trình hoạt động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể và tổ chức xã hội.

## **2. Việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động của Cấp uỷ để thực hiện Nghị quyết**

Ngày 15/7/2013 Huyện uỷ Đơn Dương đã tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt toàn huyện, sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW. Sau hội nghị Huyện uỷ đã ban hành Báo cáo số 88-BC/HU ngày 23/7/2013 về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Kết luận số 165-KL/HU ngày 31/7/2013 về kết luận hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW.

Thực hiện kế hoạch hành động và Kết luận số 165-KL/HU của Huyện Uỷ tại hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, sau 10 năm thực hiện UBND huyện đã tham mưu Huyện Uỷ ban hành Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW tại văn bản số 133-BC/HU ngày 22/5/2018. Đồng thời, UBND huyện đã có báo cáo chi tiết tại văn bản số 110/BC-UBND ngày 23/5/2018 về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW.

## **II. CÔNG TÁC THỂ CHẾ HOÁ CÁC CHỦ TRƯỞNG**

Sau học tập, quán triệt Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008 và Chương trình hành động số 68-CTr/HU ngày 24/10/2008 của Tỉnh Uỷ Lâm Đồng; Huyện uỷ Đơn Dương đã ban hành Công văn số 411-CV/HU ngày 03/10/2008 về việc nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện các Nghị quyết Trung ương khóa X và Kế hoạch số 30-KH/HU ngày 03/11/2008 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X để lãnh đạo việc thực hiện.

Huyện uỷ đã chỉ đạo các Tổ chức cơ sở Đảng, ban, ngành, đoàn thể huyện tổ chức học tập, quán triệt đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể và quần chúng nhân dân tiến hành xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết.

Căn cứ Nghị quyết 26-NQ/TW triển khai các nội dung liên quan đến nông dân, trong đó triển khai Kết luận số 61-KL/TW ngày 3/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương đảng và Quyết định 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận số 76-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Quyết định 323/QĐ-UBND của UBND tỉnh đã tham mưu cho Thường trực Huyện Uỷ xây dựng kế hoạch thực hiện, thành lập Ban chỉ đạo kết luận số 61-KL/TW; ngày 14/9/2012 Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 61 của Huyện uỷ tổ chức họp và phân công trách nhiệm cho từng thành viên, ban hành kế hoạch KH số 02-KH/BCĐ ngày 17/9/2012 thực hiện đề án *“Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020”*.

Để thực hiện tốt Kết luận số 61, Hội Nông dân huyện đã ký chương trình phối hợp với UBND huyện, các ngành liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn như phòng NN&PTNT, Trung tâm Nông nghiệp, Phòng Tư pháp, Phòng Lao Động TB&XH, Bảo hiểm xã hội...

Theo chức năng, nhiệm vụ UBND huyện, các tổ chức cơ sở Đảng, các cơ quan, đơn vị đều đã tiến hành nghiên cứu, vận dụng và xây dựng Kế hoạch, Chương

trình hành động sát với thực tiễn tại địa phương, cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Trong đó UBND huyện đã chỉ đạo ngành nông nghiệp & PTNT phối hợp với Hội Nông dân, cùng các ngành và đoàn thể huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các quan điểm chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

## **Phần thứ hai** **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Về thực hiện tái cơ cấu xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn**

##### ***1.1. Văn bản chỉ đạo đối với phát triển lĩnh vực nông nghiệp***

- Về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Trước khi có Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Huyện ủy Đơn Dương đã có kết luận số 17-KL/HU ngày 02/01/2007 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy về mục tiêu, giải pháp tăng tốc đột phá phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên lĩnh vực rau, hoa giai đoạn 2006 - 2010; Hội đồng nhân dân huyện Đơn Dương có Nghị quyết 07/2007/NQ-HĐND về Đề án phát triển rau hoa theo hướng nông nghiệp công nghệ cao huyện Đơn Dương giai đoạn 2006-2010; UBND huyện đã có Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 31/7/2007 về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện Đơn Dương. Ngày 03/03/2010 Ban Thường vụ Huyện ủy đã có Kết luận 137-KL/HU về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện giai đoạn 2010 – 2015.

Nghị quyết 01-NQ/HU ngày 29 tháng 7 năm 2010 của Đại hội Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ X, nhiệm kỳ 2010 – 2015 xác định chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chương trình nông nghiệp công nghệ cao là một trong năm chương trình trọng tâm của huyện Đơn Dương.

Trên cơ sở đó ngày 02/11/2010 Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kết luận số 12-KL/HU về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2011 – 2015 thay thế Kết luận 137-KL/HU ngày 03/03/2010, và ngày 14/7/2011 Huyện Ủy tiếp tục ban hành Chương trình hành động số 17-Ctr/HU về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI gắn với cụ thể hóa để lãnh đạo việc thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy Lâm Đồng. Đồng thời hàng năm Huyện ủy đã xây dựng Nghị Quyết phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong đó tiếp tục xác định chương trình nông nghiệp công nghệ cao là chương trình trọng tâm của huyện Đơn Dương. Sau khi các Nghị quyết được ban hành, huyện đã tổ chức các đợt học tập, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong huyện.

- *Về tái cơ cấu ngành nông nghiệp*: Huyện Ủy Đơn Dương ban hành Kết luận số 22-KL/HU ngày 19/3/2016 về tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Đơn Dương giai đoạn 2016-2020.

UBND huyện đã thực hiện xây dựng Kế hoạch số 358 ngày 21/3/2016 về tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Đơn Dương giai đoạn 2016 – 2020 và Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 21/3/2016 về phát triển đàn bò sữa và sữa giai đoạn 2016-2020.

UBND huyện tổ chức hội nghị triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; và Kế hoạch tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Đơn Dương giai đoạn 2016 – 2020.

Hàng năm, UBND huyện xây dựng và ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- *Về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại*: UBND huyện xây dựng Kế hoạch số 1025/KH-UBND ngày 12/7/2017 về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Tỉnh Ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn huyện Đơn Dương.

## **1.2. Kết quả thực hiện**

### **a) Trên lĩnh vực trồng trọt**

Giai đoạn 2008-2020, thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên lĩnh vực trồng trọt đã chuyển đổi diện tích gieo trồng cây lương thực lúa, bắp và các cây trồng khác kém hiệu quả kinh tế sang trồng rau, hoa, củ năng với diện tích là 3.250 ha, trong đó chủ yếu là chuyển sang trồng rau thương phẩm chủ lực, hiện nay cây rau chiếm diện tích lớn nhất trong các diện tích sản xuất cây trồng khác với diện tích canh tác là 11.583ha<sup>1</sup>. Các diện tích rau, hoa ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao chủ yếu là giống mới, quy trình kỹ thuật canh tác tiên bộ, ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh trong nhà kính, nhà lưới như áp dụng công nghệ điều khiển vi khí hậu nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm, dinh dưỡng phù hợp với từng loại cây trồng; hệ thống châm phân tưới tự động, phủ bạt.

Cây rau có lợi thế so sánh và cho giá trị kinh tế cao, từ đó trong thời gian qua sản xuất rau luôn mang lại hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, ổn định thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân. Bên cạnh việc phát triển cây rau thương phẩm ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, huyện Đơn Dương đã tập trung phát triển một số cây đặc sản và cây có giá trị kinh tế cao (cây ăn quả, dược liệu, hoa).

<sup>1</sup> diện tích rau, hoa ứng dụng công nghệ cao năm 2008 có 169 ha, năm 2020 là 10.785 ha tăng 10.616 ha, chiếm 91,7% diện tích đất canh tác rau, hoa toàn huyện; ước thực hiện 2021 diện tích rau, hoa ứng dụng công nghệ cao là 11.115 ha chiếm 94,5% diện tích đất canh tác rau, hoa

Trong sản xuất rau đã có nhiều tổ chức, cá nhân có thể mạnh trong liên kết chuỗi giá trị; nông sản được bán ở mức giá cao và cơ bản ổn định. Giá trị thu nhập trong tái cơ cấu sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao đạt bình quân 250-300 triệu đồng/ha/năm; có những mô hình rau, hoa đạt 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng/ha/năm.

Tình hình liên kết tiêu thụ sản phẩm thông qua ký hợp đồng: Năm 2008, nông sản trên địa bàn huyện số lượng tiêu thụ thông qua hợp đồng thu mua không đáng kể. Từ năm 2010 đến 2020, nhiều mặt hàng nông sản được người dân và thương lái quan tâm tiêu thụ thông qua ký hợp đồng, đặc biệt trên sản phẩm rau thương phẩm. Đến nay, số lượng nông sản tiêu thụ qua liên kết hợp đồng với các đơn vị thu mua chiếm khoảng trên 30% trên tổng sản lượng nông sản toàn huyện.

Công tác chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất luôn được duy trì thường xuyên, đặc biệt khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, tiêu chuẩn GAP, có đúc kết kinh nghiệm để tổ chức nhân rộng. Khuyến khích nhân dân thành lập (HTX) Tổ hợp tác (THT) nông nghiệp, đăng ký tiêu chuẩn rau VietGAP để tiến tới đăng ký thương hiệu “Đà Lạt kết tinh kỳ diệu từ đất lành”; khuyến khích phát triển diện tích rau hữu cơ, rau thủy canh, cung ứng sản phẩm an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

Công tác chứng nhận sản phẩm an toàn: Toàn huyện được cấp 106 giấy với 608 ha và 2 trại chăn nuôi, chứng nhận nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh từ đất lành” cho 7 tổ chức, cá nhân sản xuất rau thương phẩm; có 50 cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

#### *b) Trên lĩnh vực chăn nuôi*

Ngành chăn nuôi của huyện có sự tăng trưởng và phát triển ổn định so với trước khi thực hiện Nghị quyết, do sự phát triển vượt trội của ngành trồng trọt dưới tác động của chương trình nông nghiệp ứng dụng cao, nông nghiệp thông minh, tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu của ngành nông nghiệp vẫn còn thấp. Phương thức chăn nuôi từng bước có sự chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ, quy mô nông hộ sang chăn nuôi trang trại, chăn nuôi công nghiệp đảm bảo an toàn sinh học, vệ sinh môi trường<sup>2</sup>.

Ngành chăn nuôi bò sữa trên địa bàn huyện Đơn Dương đã hình thành và tập trung xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất, thu gom, bảo quản tới tiêu thụ sữa bò tươi nguyên liệu. Qua đó đã tạo bước phát triển theo hướng bền vững, nâng cao giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi bò sữa góp phần nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi bò sữa đã mạnh dạn đầu tư xây dựng chuồng trại, tăng cường ứng dụng công nghệ cao phục vụ quá trình chăn

<sup>2</sup> Đàn trâu năm 2008 có 3.717 con, năm 2020 có 2.350 con, giảm 36,8%. Đàn bò thịt năm 2008 có 19.419 con, năm 2020 có 10.434 con, giảm 46,3%. Đàn bò sữa năm 2008 có 2.000 con, năm 2020 có 15.166 con, đàn bò sữa tăng theo từng năm và tăng gấp 7,6 lần so với năm 2008. Đàn heo năm 2008 có 12.291 con, năm 2021 còn 10.100 con, giảm 17,8%. Đàn gia cầm năm 2008 có 114.510 con, năm 2021 có 150.000 con, tăng 31%. Ước thực hiện đến hết năm 2021: tổng đàn trâu là 2.960 con, đàn bò thịt là 13.516 con, đàn bò sữa là 16.219 con, đàn heo là 9.900 con, đàn gia cầm là 130.000 con.

nuôi.

Trên địa bàn huyện có 03 trang trại chăn nuôi bò sữa thuộc 2 doanh nghiệp chăn nuôi bò sữa và 643 hộ chăn nuôi bò sữa. Đàn bò nuôi trong nông hộ giai đoạn 2008-2015 quy mô đàn chủ yếu từ 5-10 con/hộ. Theo từng năm các hộ chăn nuôi đã tăng quy mô đàn và đến năm 2020 quy mô đàn từ 10-29 con/hộ chiếm tỷ lệ cao khoảng 73%. UBND tỉnh Lâm Đồng đã công nhận vùng chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định 136/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 tại xã Đa Ròn và xã Tu Tra.

### *c) Trên lĩnh vực lâm nghiệp*

Đơn Dương có diện tích tự nhiên 61.185ha, trong đó diện tích rừng và đất lâm nghiệp 42.460,27ha (diện tích trong quy hoạch là 40.930,19ha), trong đó rừng trồng đã thành rừng: 6.262,84ha, rừng trồng chưa thành rừng; 212,88ha. Giai đoạn 2008-2020 toàn huyện trồng mới rừng 2.712 ha.

Sản xuất lâm nghiệp trong giai đoạn 2008-2020 phát triển theo hướng giảm và ngừng khai thác rừng tự nhiên, tăng cường các hoạt động trồng rừng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh, quản lý bảo vệ và thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, độ che phủ đến 2020 đạt 59,16%.

Công tác quản lý và bảo vệ rừng có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức về công tác bảo vệ và phát triển rừng của các cấp, các ngành và trong nhân dân được nâng lên; số vụ vi phạm giảm; diện tích rừng bị xâm hại, bị cháy hàng năm đều giảm. Công tác lâm sinh trồng rừng, trồng cây phân tán trong những năm qua được các ngành, các cấp đặc biệt quan tâm, nhằm từng bước nâng cao độ che phủ rừng theo mục tiêu của Nghị quyết. Toàn huyện trồng 73.404 cây phân tán (tỷ lệ cây trồng sống đạt trên 87,5%). Công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng hiện nay là 30.005,24 ha với 972 hộ, 2 tập thể và 04 doanh nghiệp từ nguồn Ngân sách tỉnh và chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Đến nay, trên địa bàn huyện vẫn duy trì 19 doanh nghiệp thuê đất, thuê rừng với diện tích 4.868,55ha, trong đó chia theo mục đích: Quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng và chăn nuôi gia súc 4.123,845ha; Golf và khu du lịch nghỉ dưỡng 694,825ha, sản xuất rau hoa chất lượng cao 49,88ha. Nhìn chung, các doanh nghiệp triển khai các hạng mục đầu tư trong dự án còn chậm so với GCN đầu tư. Trong thời gian qua, UBND huyện đã trình UBND tỉnh thu hồi 01 dự án thuê rừng để thực hiện dự án nhưng chậm tiến độ, để xảy ra phá rừng, lấn chiếm đất rừng.

## **2. Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị hóa.**

### **2.1. Chương trình xây dựng nông thôn mới**

- Về tổ chức bộ máy thực hiện ở các cấp: Triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 và Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ, huyện Đơn Dương đã thành lập Ban chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 474-QĐ/HU ngày 30/11/2009 do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng Ban chỉ

đạo. Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới từng bước được kiện toàn và đi vào hoạt động có hiệu quả; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng nhóm tiêu chí nông thôn mới.

Ngày 12/9/2017, UBND huyện thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Đơn Dương giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 1346/QĐ-UBND và Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia huyện Đơn Dương giai đoạn 2021-2030, thành lập Tổ công tác giúp việc cho Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia huyện trong triển khai chương trình xây dựng huyện Đơn Dương đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh giai đoạn 2019-2025.

Huyện đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện gồm với 18 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch Kinh tế làm Chánh văn phòng. Hàng năm Văn phòng điều phối NTM huyện đều có kế hoạch kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và các xã triển khai thực hiện Chương trình; tham mưu xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác để xây dựng nông thôn mới; theo dõi, tổng hợp, báo cáo, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện tại các xã.

Đối với các xã đều thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban, Ban Quản lý chương trình do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban và phân công công chức làm công tác xây dựng NTM. Tất cả 76 thôn ở 8 xã đều thành lập ban phát triển thôn và hoạt động có hiệu quả. Tất cả 8 xã đều thực hiện tốt chế độ giao ban hàng tháng giữa ban chỉ đạo xã với ban phát triển thôn, từ đó đã nắm bắt kịp thời tình hình và chỉ đạo sát sao việc triển khai thực hiện chương trình nông thôn mới đến từng thôn xóm, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của từng địa phương để tổ chức xây dựng nông thôn mới đạt kết quả.

- *Kết quả thực hiện chương trình giai đoạn 2009-2020:* Huyện ủy Đơn Dương đã ban hành Kế hoạch số 30-KH/HU ngày 3/11/2008 về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW. Đại hội Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ X nhiệm kỳ 2010-2015 đã xác định chương trình xây dựng nông thôn mới là một trong năm chương trình trọng tâm của huyện có vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm thực hiện thành công Nghị quyết số 26-NQ/TW. Sau 12 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt được cụ thể sau:

Giai đoạn 2009 – 2015 việc triển khai xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đã thật sự tạo ra những nhân tố mới. Cơ sở hạ tầng phát triển đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh; Sản xuất phát triển góp phần đưa thu nhập hộ tăng cao, bền vững; Đời sống văn hóa của nhân dân ngày một nâng cao và hưởng thụ nhiều hơn về nét đẹp văn hóa làng quê với môi trường xanh, sạch; Quy chế dân chủ cơ sở ngày một mở rộng. Đã hoàn thành cơ bản các nội dung theo như các đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đến cuối năm 2015, toàn huyện có 7/8 xã được công nhận



đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 87,5% (năm 2013: 1 xã; năm 2014: 3 xã; năm 2015: 3 xã). Huyện Đơn Dương được công nhận huyện Nông thôn mới tháng 9 năm 2015.

Bộ máy tổ chức từ huyện đến xã có sự tham gia của các phòng, ban Đảng, Mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội; có sự phối hợp chặt chẽ, có phân công và làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị và cá nhân tham gia nên vận hành được xuyên suốt, giải quyết hiệu quả những vấn đề cấp bách, nảy sinh trong quá trình thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Giai đoạn 2016 – 2020, huyện và các xã đã tiếp tục chủ động xây dựng và triển khai Đề án giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn giai đoạn 2016-2020. Hệ thống tổ chức bộ máy thực hiện chương trình xây dựng NTM từ huyện đến xã thường xuyên được củng cố và kiện toàn. Công tác phát triển sản xuất, giảm nghèo nâng cao thu nhập cho người dân được triển khai có hiệu quả, sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao ngày càng được mở rộng, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng đang được thực hiện tích cực. Tiêu chí cảnh quan môi trường đã được chú trọng; đặc biệt là thu gom rác thải, xây dựng và nhân rộng các tuyến đường hoa, cây xanh, khu dân cư kiểu mẫu.

Trên các kết quả đã đạt được, huyện đã vinh dự được Trung ương và Tỉnh chọn thí điểm xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh giai đoạn 2019 – 2025 tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/3/2019. Đến hết năm 2020 toàn huyện có 8/8 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100% (trong đó 4/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 50% gồm 3 xã Lạc Lâm, Quảng Lập và Ka Đô đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh; 01 xã Lạc Xuân đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao). Dự kiến năm 2021 có thêm 1 xã nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh và 02 xã nông thôn mới nâng cao.

Đến nay, toàn huyện đã được công nhận 5 sản phẩm OCCOP đạt cấp tỉnh trong đó Trà đương quy túi lọc và Chao ớt đạt 4 sao; hồng sấy dẻo, rượu đương quy và củ năng tươi đạt 3 sao.

## **2.2. Kết cấu hạ tầng nông thôn**

- Về hạ tầng thủy lợi: Hiện nay trên địa bàn huyện có 39 công trình thủy lợi gồm 18 đập dâng, 3 cống dâng, 13 hồ chứa, 3 liên hồ chứa và 02 trạm bơm điện<sup>3</sup>. Diện tích được tưới từ nguồn công trình thủy lợi là 2.676 ha chiếm 13,3 %, còn lại tưới từ nguồn sông, suối, giếng đào, giếng khoan và nước ngầm. Tổng chiều dài kênh tưới, đường ống dẫn nước tưới của công trình thủy lợi trên địa bàn huyện là 124,48 km, đã kiên cố hóa được 106,10 km đạt 85,23 %.

Hầu hết các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện về cơ bản đều phát huy được công suất thiết kế phục vụ tưới thiết kế, hiện nay được sự quan tâm của nhà

<sup>3</sup> trong đó Trung tâm quản lý đầu tư và khai thác thủy lợi Lâm Đồng (cấp tỉnh) quản lý 9 công trình, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và khai thác công trình công cộng huyện quản lý 24 công trình, dân tự quản lý 5 công trình, hợp tác xã quản lý 1 công trình



nước nên các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện thường xuyên được sửa chữa, nâng cấp, đặc biệt huyện đang triển khai thi công công trình hồ chứa nước Kazam, một trong những công trình trọng điểm, được quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, được kỳ vọng khi đưa vào sử dụng sẽ giúp các địa phương lân cận hồ chứa phát triển nông nghiệp vượt bậc.

- *Hệ thống giao thông*: Mạng lưới giao thông đường bộ được tập trung đầu tư nâng cấp tương đối đồng bộ, các đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa 100%, đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của bộ GTVT, đường ngõ, xóm sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa và đạt 100% so với 2008 và đến nay tiếp tục được nâng cấp, mở rộng. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đến năm 2020 đạt 70% và tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Đến nay, toàn huyện có 575,9 km giao thông đường bộ; về vận tải, trung tâm huyện có 01 bến xe loại 3, các xã, thị trấn có hệ thống xe buýt, có điểm đón khách thuận lợi cho việc người dân đi lại.

- *Hệ thống lưới điện*: Có 8/8 xã hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện từ năm 2008 đến nay. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đều đạt trên 90% và đến nay đạt 100%.

- *Cơ sở giáo dục, đào tạo*: Quy mô trường, lớp ổn định. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp duy trì, ổn định theo từng năm; kết cấu hạ tầng, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư; mạng lưới trường, lớp học mầm non được phát triển đến từng xã, thôn, trường tiểu học, THCS đến địa bàn xã và trường THPT đến cụm xã. Toàn huyện có tổng số 54 trường, trong đó Mầm non: 15 trường (gồm 02 trường tư thục), Tiểu học: 21 trường công lập, THCS: 14 trường công lập (trong đó có 01 trường PTDTNT THCS), THPT: 4 trường; có 45/54 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã được thành lập tạo cơ sở trong việc thực hiện xã hội hóa giáo dục và thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập.

- *Thông tin và bưu chính viễn thông*: Mạng lưới thông tin, liên lạc, bưu chính, viễn thông đã mở rộng đến 100% xã, phường, thị trấn; công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi vào hầu hết các lĩnh vực đời sống xã hội.

- *Văn hóa*: Cơ sở vật chất văn hóa được quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cấp; toàn huyện hiện có 10/10 xã, thị trấn có nhà văn hóa đạt chuẩn, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu tham gia và hưởng thụ của nhân dân; tại các thôn, tổ dân phố có 102/104 nhà văn hóa, trong đó có 52 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định. Chất lượng các hoạt động văn hóa ngày càng được nâng lên. Có 8/8 xã đạt chuẩn xã văn hóa NTM, đáp ứng nhu cầu tham gia hưởng thụ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của người dân.

### **3. Về xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, văn hóa xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn**

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được xác định là một trong các chương trình trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, ngay

từ những năm đầu bắt đầu triển khai, công tác chỉ đạo điều hành, quán triệt được đặc biệt quan tâm và triển khai một cách quyết liệt, kịp thời, đạt được kết quả tốt.

Qua 13 năm triển khai Nghị quyết 26, nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được triển khai đã đạt được hiệu quả tích cực. Cơ sở hạ tầng các xã đồng bào DTTS, xã nghèo được cải thiện rõ nét; trình độ sản xuất của người dân được nâng cao; điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn ngày càng ổn định và được cải thiện.

Qua đó đã đạt được kết quả tốt trong công tác giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm: Cuối năm 2008, toàn huyện có 2.643 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 14,12%, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc có 1.784 hộ, chiếm tỷ lệ 37,01%. Đến cuối năm 2020 toàn huyện còn 97 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,41%, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số 54 hộ, chiếm tỷ lệ 0,84%.

Các chương trình chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình được triển khai đảm bảo theo kế hoạch hàng năm đề ra.

Trên địa bàn huyện, đến năm 2021 không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm. Công tác y tế dự phòng thực hiện đạt kế hoạch. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo cân nặng còn 11,79%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến cuối năm 2020 đạt 92,82%, ước 2021 đạt 93%; có 10 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo quy định.

Toàn huyện có 54 trường gồm 15 trường mầm non, 21 trường tiểu học, 14 trường trung học cơ sở, 04 trường trung học phổ thông. Hiện nay có 38/54 trường được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 01/04 trường trung học phổ thông được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Trên địa bàn huyện, các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi; đời sống văn hóa tinh thần ở cơ sở và trong nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống được phát huy. Công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển nhanh, phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất và đời sống, sinh hoạt cộng đồng. Nhiều phong trào văn hóa có giá trị cụ thể, thiết thực, phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng.

Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo được xác định là phong trào trọng tâm hoạt động để thu hút đông đảo hội viên, nông dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới của đất nước. Trong 15 năm qua, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức về thiên tai, dịch bệnh và khủng hoảng tài chính, kinh tế thế giới, nhưng với sự trợ giúp, tư vấn, hướng dẫn của các cấp Hội, các cấp các ngành, phong trào Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi do Hội phát động tiếp tục phát triển và có bước nâng cao về

chất lượng. Số lượng hội viên, nông dân đăng ký đạt danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi ngày càng tăng<sup>4</sup>.

#### **4. Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn**

Những năm qua, huyện đã tập trung củng cố, đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất. Cùng với phát triển kinh tế hộ, tăng cường chức năng quản lý Nhà nước của chính quyền trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn, củng cố và chuyển đổi hoạt động của đơn vị kinh tế tập thể (tổ hợp tác, hợp tác xã) theo Luật và các quy định hiện hành. Trên địa bàn huyện Đơn Dương đã hình thành và phát triển thêm một số mô hình, mở rộng quy mô sản xuất và liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã với nhau để tổ chức cung cấp dịch vụ, sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Các HTX hoạt động với nhiều loại hình sản xuất, kinh doanh đa dạng, phong phú, góp phần hỗ trợ kinh tế tập thể phát triển.

Một số HTX thành công trong việc đưa các mặt hàng của địa phương ra thị trường ngoài tỉnh.

Việc củng cố hoạt động của các HTX đã nâng cao năng xuất, chất lượng các loại hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sống cho các thành viên.

Tính đến nay, toàn huyện hiện có 32 Hợp tác xã. Các HTX hoạt động trên nhiều lĩnh vực như: trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ - thương mại, chế biến nông sản. Trong đó, số lượng HTX hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực trồng trọt (75%); phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm phát triển nông nghiệp chủ yếu là trồng và sản xuất rau, hoa, đặc biệt là canh tác ứng dụng công nghệ cao; phù hợp với nền kinh tế có cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng chính của huyện Đơn Dương. Tổng số thành viên là 824 người, tổng số lao động làm việc thường xuyên là 890 người, tổng số vốn đăng ký hoạt động là 63 tỷ 385 triệu đồng.

Về Tổ hợp tác: Toàn huyện có 19 tổ hợp tác, trong đó có 01 tổ hợp tác thành lập mới trong 6 tháng đầu năm 2021; hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ rau, hoa sạch, chăn nuôi bò sữa và bò vàng sinh sản, sản xuất và tiêu thụ bánh tráng. Tổng số thành viên là 206 người, tổng số lao động làm việc thường xuyên là 206 người, diện tích đất sản xuất tham gia vào tổ hợp tác là 229,4 ha.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp trong huyện Đơn Dương chủ yếu vẫn là quy mô hộ, các hình thức hợp tác đang trong giai đoạn đổi mới cách thức tổ chức và hoạt động nên chưa có các mô hình hoàn thiện, bền vững. Trong các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chưa thực sự hội tụ đủ các điều kiện cần thiết như: năng lực thực sự của các thành

<sup>4</sup> Hằng năm đã có trên 10.000 hội viên đăng ký thi đua, đến cuối năm 2020 các xã, thị trấn đã tiến hành bình xét số hộ đạt danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, kết quả có 8.476 hộ đạt NDSXKDG các cấp, trong đó cấp trung ương là 65 hộ, cấp tỉnh là 514 hộ, cấp huyện là 2.042 hộ, cấp cơ sở là 5.855 hộ.

phần khi tham gia, nhất là năng lực của nông dân và các tổ hợp tác và HTX; chưa thiết lập và vận hành nghiêm túc các cơ chế trong liên kết.

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đổi mới tổ chức sản xuất, gắn sản xuất với thị trường thông qua việc hình thành và phát triển các chuỗi nông lâm sản, thủy sản an toàn; nâng cao ý thức trách nhiệm của người sản xuất, gắn sản xuất với thị trường thông qua việc hình thành và phát triển các chuỗi nông lâm sản, thủy sản an toàn; nâng cao ý thức và trách nhiệm của người sản xuất trong việc chấp hành các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo cơ bản các mặt hàng nông sản của huyện đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm. Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích, mời gọi các nhà đầu tư đến ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của người nông dân. Vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại để giới thiệu và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng các chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông sản an toàn; hỗ trợ thực hiện liên kết giữa công ty, hợp tác xã, tổ hợp tác điển hình của huyện và các hộ dân trong việc sản xuất và tiêu thụ rau, nông sản khác trên địa bàn huyện. Đến nay, toàn huyện có 36 chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm.

Xây dựng và phát triển thương hiệu: Khuyến khích, vận động nông dân sản xuất nông sản theo hướng an toàn, bền vững, tiến tới sản xuất theo hướng VietGap; đẩy mạnh việc sử dụng nhãn hiệu “Đà Lạt kết tinh kỳ diệu từ đất lành” và phát triển các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao và ổn định. Nâng cao chất lượng nông sản và thường xuyên đổi mới mẫu mã, chủng loại phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng để tạo uy tín cho thương hiệu trên thị trường, đáp ứng nhu cầu truy xuất nguồn gốc sản phẩm của người tiêu dùng.

#### **5. Về phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn**

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật ngày càng được quan tâm góp phần thúc đẩy tăng trưởng sản xuất nông nghiệp: Đã chuyển giao những giống mới có năng suất, chất lượng cao, góp phần đa dạng hóa chủng loại giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện, đặc biệt là các giống rau, hoa chất lượng cao và giống bò sữa lai F1 trở lên. Tỷ lệ giống mới trong sản xuất cây rau, hoa chiếm gần 100%; cây lúa, ngô chiếm trên 95%; cà phê chiếm 90%. Hiện nay, toàn huyện có 165 cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng, cung cấp chủ yếu cho diện tích sản xuất nông nghiệp. Công tác sản xuất cây giống cơ bản đã ứng dụng cơ giới hóa. Ngân sách nhà nước đầu tư thực hiện công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật và mô hình nông nghiệp do Trung tâm Nông nghiệp triển khai trong giai đoạn 2008-2021 là trên 18.150.000.000 đồng, trong đó công tác tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật là 420 lớp/12.600 lượt người tham gia với số tiền 840 triệu đồng. Nội dung tập huấn chủ yếu Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cà phê, bơ ghép, mắc ca; hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc các loại rau, hoa; biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại

trên cây rau, hoa, cây trồng khác; hướng dẫn điều tra dự tính dự báo sâu bệnh hại định kỳ.

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật trong các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được quan tâm đúng mức. Hàng năm, huyện đều dành ngân sách để đầu tư chuyển giao kỹ thuật cho các vùng này.

Việc nghiên cứu chuyển giao công nghệ, các tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi. Chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được ứng dụng ngày càng nhiều, phát triển đi vào chiều rộng lẫn chiều sâu. Ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để phát triển chăn nuôi bò sữa, bò thịt theo hướng quy mô tăng đàn, chất lượng và năng suất, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân.

Trong đầu tư phát triển về cơ sở hạ tầng để sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghệ thông minh: Từ những mô hình đầu tiên như phủ bạt nilong, đến mô hình nhà lưới, nhà kính kết hợp tưới nhỏ giọt và hệ thống châm phân trên cây rau, hoa đạt hiệu quả kinh tế cao, ngày càng được nông dân nhân rộng và phát triển về diện tích sản xuất rau hoa công nghệ cao đến năm 2020 là 10.785 ha chiếm 91,7% diện tích đất canh tác rau, hoa toàn huyện. Đặc biệt là 03 năm gần đây các hình thức sản xuất mới đã từng bước triển khai và nhân rộng như sản xuất rau thủy canh, ứng dụng IoT trong nông nghiệp (Giải pháp nông nghiệp thông minh), Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong việc điều khiển tưới tự động chính xác trên cây rau. Pha dưỡng chất trên cây rau, IoT quản lý vi khí hậu trong nhà kính... Với hệ thống quản lý tưới chính xác, mọi hành động, từ việc theo dõi nhu cầu nước, nhận khuyến nghị đến việc ra lệnh tưới cho cây trồng (trang trại) đều “gói gọn” trên thiết bị di động, giúp người nông dân quản lý trang trại của mình dù ở bất cứ nơi đâu. Các ứng dụng này giúp người nông dân tăng năng suất, giảm chi phí, tránh rủi ro đầu tư và chủ động tiêu thụ trên thị trường; thông qua đó giúp phát triển nông nghiệp sạch, an toàn và bền vững.

Trong chăn nuôi: Chương trình cải tạo đàn bò vàng, mô hình vỗ béo bò thịt tại các thôn đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình phát triển bò sữa, mô hình trình diễn chăn nuôi bò lai Sind đã giúp cải tạo đàn bò cái nền của địa phương trong 15 năm đạt tỷ lệ trên 70% quy mô đàn bò thịt sinh sản của toàn huyện, mô hình khẩu phần ăn cho bò sữa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sữa, mô hình quản lý điều tra lý lịch bò sữa (bấm thẻ tai), mô hình chăn nuôi bò sữa ứng dụng đồng bộ cơ giới hóa các khâu trong chăn nuôi (máy vắt sữa, máy cắt cỏ, máy phối trộn thức ăn TMR)... các mô hình đều cho kết quả tốt được người dân hưởng ứng và nhân rộng, góp phần duy trì ổn định tình hình chăn nuôi và tăng tỷ lệ Sind hóa bò vàng địa phương.

Hoạt động sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin được các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức ứng dụng vào nhiệm vụ chuyên môn và nhân dân ứng dụng vào sản xuất kinh doanh. Nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích có giá trị khoa học được triển khai áp dụng, góp phần khắc phục những khó khăn về công nghệ, nguyên vật liệu, thiết bị, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Chú trọng phát triển đào tạo nghề tại khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đào tạo nhằm phát huy mọi nguồn lực đầu tư xây dựng xã hội học tập và thực hiện các mục tiêu giáo dục và đào tạo. Hàng năm, huyện tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông từ 3-4 lớp với số lượng trên 100 học viên tham gia. Qua đào tạo các học viên đã phát huy được kiến thức và giải quyết việc làm.

#### **6. Về đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân**

Việc huy động các nguồn lực nhằm phát triển kinh tế nông thôn đạt được kết quả khá tốt, đặc biệt việc huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đã được triển khai nghiêm túc, quyết liệt tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của nhân dân. Từ đó, đời sống đại bộ phận nông dân được cải thiện, tư tưởng yên tâm, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước.

Những năm gần đây, cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư cho nông thôn có bước phát triển mới, nhất là từ khi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả tích cực, đã làm chuyển biến căn bản nhận thức của người dân. Vai trò chủ thể của người dân được khẳng định, nhân dân đồng thuận, hưởng ứng và tích cực tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới. Diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày một nâng lên; kết cấu hạ tầng nông thôn phát triển, phục vụ thiết thực cho sản xuất và cuộc sống của người dân.

Công tác tuyên truyền về công tác dân chủ ở cơ sở đã được quan tâm triển khai thực hiện. Huyện đã ban hành Kế hoạch chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy ước, hương ước ở thôn, tổ dân phố, từ đó gắn với việc triển khai dân chủ cơ sở trong xây dựng nông thôn mới.

Trong triển khai xây dựng nông thôn mới tính dân chủ trong nhân dân được phát huy cao. Thực hiện tốt nội dung dân bàn và dân quyết định. Tổ chức cho nhân dân bàn bạc và quyết định kế hoạch, biện pháp thực hiện các chủ trương của chính quyền trong việc huy động nhân dân đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng ở thôn, xóm. Từ khi triển khai thực hiện chương trình nông thôn mới đến nay chưa xảy ra tình trạng người dân khiếu nại về triển khai thực hiện các công trình, không có tình trạng nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

#### **7. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn.**

Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của đảng bộ, chi bộ cơ sở được xem là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt để Đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện hệ thống chính trị và toàn xã hội, đặc biệt là trong quá trình thực hiện chương trình nông nghiệp, nông dân, nông thôn; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên được nâng lên, phong cách, lề lối làm việc có đổi mới. Chính quyền cơ sở được củng cố, kiện toàn, hoạt động quản lý, điều

hành ngày càng đi vào trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trong 10 đơn vị hành chính cấp xã được xếp loại chính quyền vững mạnh, không có đơn vị xếp loại trung bình và yếu.

Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng nâng cao và đảm bảo. Đội ngũ cán bộ, công chức tại các xã cơ bản đã chuẩn hóa và thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Tổ chức bộ máy của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội ở nông thôn được kiện toàn theo hướng tinh gọn, phương thức hoạt động được đổi mới, đáp ứng yêu cầu tập hợp, đoàn viên, hội viên, nội dung hoạt động ngày càng thiết thực, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương. Công tác xây dựng lực lượng nòng cốt trong các phong trào quần chúng được chú trọng, phát hiện nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực; việc cổ vũ, động viên cũng được thực hiện kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng, uy tín các cuộc vận động, các phong trào ở cơ sở như: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, chương trình “đưa hàng Việt về nông thôn”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”,... Từ đó, góp phần phát huy tinh thần đoàn kết, ý thức xây dựng cộng đồng văn minh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn ở nông thôn, hạn chế tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, phòng ngừa đấu tranh tội phạm.

Bộ máy hành chính nhà nước hoạt động ổn định, hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo ổn định, thực hiện tốt công tác tuyên truyền và chủ động ngăn ngừa phòng chống tội phạm nên tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư được duy trì thường xuyên nhất là các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, các tranh chấp, khiếu kiện trong nhân dân, không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những thành tựu cơ bản**

Qua 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thời gian qua huyện Đơn Dương đã tập trung đầu tư phát triển nông nghiệp toàn diện trong công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh mang lại hiệu quả rõ nét, triển khai thực hiện tốt Kế hoạch tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh đạt kết quả nhất định. Cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện, lĩnh vực công nghiệp dịch vụ từng bước được phát triển, đa dạng về sản phẩm; phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với công tác xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, đặc biệt quan tâm đến phát triển kinh tế xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.



## **2. Những tồn tại, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân**

### **2.1. Về phát triển nông nghiệp**

- Sau 13 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, nhìn chung kinh tế nông nghiệp nông thôn phát triển mạnh hơn so với trước khi có Nghị quyết, tuy nhiên mức độ phát triển chưa đồng đều giữa các vùng. Nông nghiệp, nông thôn phát triển nhưng chưa bền vững, phần lớn nông sản tiêu thụ chưa có liên kết hợp đồng ổn định, giá cả thị trường không ổn định tại một số thời điểm đã làm ảnh hưởng đến thu nhập và tái đầu tư của người dân; công tác đầu tư và ứng dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch còn hạn chế, còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố thời tiết khí hậu, cơ chế thị trường. Kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể hoạt động còn cầm chừng, nhiều hợp tác xã chưa hoạt động hiệu quả.

- Nhân tố hạt nhân nòng cốt cho phát triển liên kết là các doanh nghiệp và HTX, tuy nhiên cả 2 lực lượng này phát triển còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng của huyện.

- Thị trường nông sản ngày càng cạnh tranh mạnh, xây dựng nhiều thương hiệu nhưng thương hiệu thực sự mạnh còn ít; một số nông sản chủ lực có nguy cơ mất khả năng cạnh tranh trên thị trường do nhiều địa phương trong cả nước có thể sản xuất các chủng loại nông sản tương tự.

- Đóng góp từ kinh tế lâm nghiệp trong phát triển kinh tế chung của huyện còn rất thấp, chưa tương xứng với tiềm năng; chưa tạo được sự đột phá trong việc nghiên cứu, chuyển đổi các giống cây lâm nghiệp mới cho năng suất để hiệu quả trồng rừng cao; việc giải toả, thu hồi và quản lý diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm sau giải toả, thu hồi để tổ chức trồng rừng chưa kịp thời dẫn đến đất lâm nghiệp dễ bị tái lấn chiếm.

- Tình hình thời tiết, khí hậu biến đổi bất thường, dịch bệnh xảy ra trên cây trồng, vật nuôi ảnh hưởng đến sản xuất của nhân dân.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển với quy mô nhỏ. Công tác thu hút đầu tư, việc liên kết tiêu thụ sản phẩm còn khó khăn. Công tác xây dựng cảnh quan, bảo đảm vệ sinh môi trường chưa bền vững.

- Cơ sở hạ tầng: Kết cấu hạ tầng và vật chất kỹ thuật mặc dù được xây dựng nhiều nhưng chưa đáp ứng so với yêu cầu phát triển.

- Công nghiệp chế biến phát triển còn hạn chế nên chưa tạo ra chuyển đổi mạnh cơ cấu lao động trong nông nghiệp.

- Tuy đời sống của đại bộ phận dân cư nông thôn đã được cải thiện nhưng vẫn còn một số hộ gặp khó khăn về vốn tái đầu tư.

### **2.2. Về xây dựng nông thôn**

- Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh là nội dung mới, vừa làm vừa rút kinh nghiệm nên việc tổ chức thực hiện còn khó khăn.

- Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tuy đã có những chuyển biến tích cực nhưng tỷ lệ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh còn hạn chế. Số xã có đơn vị diện tích đạt chuẩn các yếu tố thông minh trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế.

### **2.3. Về nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn**

- Việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều giữa các xã trên địa bàn huyện. Đời sống, thu nhập một bộ phận người dân nông thôn còn khó khăn, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS. Tỷ lệ hộ nghèo tại các vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa vẫn còn cao.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tuy có nhiều kết quả song vẫn chưa thật sự đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; chất lượng dạy nghề chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường lao động; nhận thức của một bộ phận người lao động về học nghề gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập còn chưa đầy đủ dẫn đến thiếu quan tâm đến việc học nghề; công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn còn hạn chế.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở phát triển rộng khắp, nhưng chất lượng chưa cao. Đời sống văn hóa của nhân dân, nhất là nhân dân vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế so với nhân dân gần trung tâm huyện, thị trấn, thành phố.

- Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa còn gặp nhiều khó khăn về điều kiện, phương tiện, một số giá trị văn hóa, nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một dần.

- Việc triển khai, quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW ở một số cơ sở Hội còn chậm; công tác tuyên truyền, vận động ở một số địa phương vẫn còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu; chưa nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc, bức xúc trong nông dân để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền có những giải pháp giải quyết kịp thời. Việc phối hợp với các ngành chức năng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp chưa được thường xuyên và nội dung phối hợp còn hạn chế.

- Việc nhân rộng các mô hình kinh tế điển hình, tiên tiến chưa được quan tâm đúng mức. Hoạt động hỗ trợ các mô hình kinh tế còn hạn chế, chưa giúp nông dân mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm và tiêu thụ nông sản hàng hóa.

### **2.4. Nguyên nhân của những hạn chế**

- *Nguyên nhân khách quan:* Tình hình dịch bệnh Covid -19 đã ảnh hưởng nhất định đến thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Là một huyện miền núi, địa hình chia cắt, thời tiết thất thường, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ cao, trình độ nhận thức còn hạn chế.

- *Nguyên nhân chủ quan:* Công tác phối hợp thực hiện Nghị quyết của các cấp, các ngành có lúc chưa chặt chẽ, đồng bộ. Công tác quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết 26-NQ/TW đã nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân,

nông thôn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội; tuy nhiên, một bộ phận cán bộ công chức và người dân chưa quan tâm đúng mức trong quá trình triển khai thực hiện. Chưa tạo ra được mối liên kết chặt chẽ giữa “4 nhà” một cách toàn diện, từ đó việc tiêu thụ, giá các sản phẩm nông nghiệp thiếu ổn định, đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Đầu tư cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp nhìn chung thiếu đồng bộ nên chưa phát huy hiệu quả cao trong sản xuất.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

- Công tác học tập quán triệt Nghị quyết, tuyên truyền, vận động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức rõ ý nghĩa của Nghị quyết, từ đó phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc triển khai thực hiện.

- Trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện phải toàn diện, đồng bộ gắn với các phong trào thi đua để thực hiện Nghị quyết có hiệu quả.

- Phát triển sản xuất là yếu tố quan trọng để khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn phải có mô hình điểm hiệu quả để thúc đẩy nhanh sự nhân rộng chuyển giao công nghệ kỹ thuật cho người dân nông thôn. Thường xuyên tổng kết các mô hình để đánh giá, rút kinh nghiệm và tìm giải pháp thực hiện có hiệu quả.

- Đẩy mạnh lòng ghép các chương trình, dự án để phát huy tối đa việc huy động và hiệu quả tất cả các nguồn lực.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp và tạo sự đồng thuận trong nhân dân là yếu tố quyết định sự thành công của quá trình thực hiện Nghị quyết.

### **Phần thứ ba**

## **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN TỚI**

### **I. MỤC TIÊU**

Tiếp tục đầu tư phát triển nông nghiệp toàn diện trên cơ sở tập trung đầu tư thâm canh hướng vào năng suất, chất lượng, hiệu quả xây dựng các vùng nguyên liệu gắn với phát triển cơ sở chế biến nhằm tăng thu nhập trên một diện tích, tăng thu nhập cho nông dân.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, nông nghiệp hữu cơ của huyện hàng năm.

Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải gắn với công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

Triển khai thực hiện tốt Đề án xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh.

## II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 1. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại, bền vững

Tiếp tục quán triệt, triển khai Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 24/10/2008 của Tỉnh uỷ và Kế hoạch số 30-KH/HU ngày 03/11/2008 của Huyện Ủy Đơn Dương về thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội.

Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, trọng tâm là phát triển mạnh sản xuất sản phẩm nông nghiệp chủ lực, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, tăng mạnh các hình thức hợp tác, liên kết; đa dạng hóa trong phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, bền vững, tăng mạnh sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn; tập trung tổ chức thực hiện tốt đề án xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

Tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực của cán bộ cơ sở. Chú trọng công tác đào tạo cán bộ là người đồng bào dân tộc thiểu số để đủ cán bộ đáp ứng yêu cầu phục vụ cơ sở. Tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cho mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Tiếp tục phát động và nâng cao chất lượng phong trào, vận động nông dân đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, tạo ra nguồn lực trong nội bộ nông dân để giảm nghèo bền vững vươn lên làm giàu chính đáng. Tổ chức, hỗ trợ, tư vấn giúp nông dân phát triển sản xuất, tăng cường công tác tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân, cán bộ, hội viên nông dân tham gia ủng hộ xây dựng Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp.

Tập trung thực hiện tốt Kế hoạch tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Kế hoạch phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng bền vững và hiện đại.

Mở rộng các hình thức liên kết trong sản xuất - tiêu thụ sản phẩm nhằm hình thành chuỗi giá trị nông sản; giảm bớt khâu trung gian giữa sản xuất với tiêu thụ nông sản, tăng thu nhập cho nông dân; tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nông sản, đảm bảo phát triển toàn diện, bền vững.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, đặc biệt là các công nghệ mới.

## **2. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu nông thôn, tạo việc làm và thu nhập tại chỗ cho dân cư nông thôn**

Đẩy mạnh phát triển công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch. Thu hút đầu tư vào công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến nông sản chủ lực của địa phương để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp nhất là các ngành chế biến rau củ quả các loại, chế biến cà phê, nhà máy thức ăn gia súc và chế biến các sản phẩm chăn nuôi. Xây dựng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển du lịch canh nông, làng nghề truyền thống, tiến tới hình thành không gian nông nghiệp sạch.

## **3. Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa; phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn; cải thiện nhanh điều kiện sinh sống ở các vùng nông thôn.**

Tiếp tục tăng cường đầu tư nâng cấp mạng lưới giao thông nông thôn, hệ thống mạng lưới điện nông thôn; thực hiện tốt các chính sách phát triển điện phục vụ các khu sản xuất tập trung tạo tiền đề cho phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, nâng cao nhanh hơn đời sống của cư dân nông thôn.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học đạt chuẩn quốc gia, củng cố và nâng cao chất lượng trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm ở khu vực nông thôn. Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới y tế cơ sở; nâng cấp trung tâm y tế, trạm y tế, đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Từng bước nâng cấp và xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất văn hóa gắn với hoàn thiện tổ chức, đào tạo cán bộ nâng cao trình độ nghiệp vụ để nâng cao chất lượng hoạt động.

Huy động các nguồn lực cho sự phát triển văn hóa nông thôn gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; lồng ghép Chương trình MTQG về văn hóa, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao ở cơ sở; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh ở các trạm Y tế xã; thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 05 tuổi, thực hiện tốt công tác phòng dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường; nâng cao tỷ lệ hộ dân tham gia bảo hiểm y tế. Tập trung xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh. Xây dựng đô thị văn minh đối với 02 thị trấn.

## **4. Nâng cao toàn diện thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của dân cư, đảm bảo công bằng xã hội ở nông thôn**

Phải xác định trụ cột chính của ngành là nông nghiệp, nông thôn và nông dân, các trụ cột này sẽ góp phần tiếp tục ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Để Nâng cao toàn diện thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của dân cư cần giải quyết sự manh mún, tự phát, nhỏ lẻ trong nền sản xuất nông nghiệp hướng đến phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, liên kết sản

xuất tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị bền vững.

### **5. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn.**

Định hướng và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn vốn là khu vực dễ bị tổn thương nhất; định hướng giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai: Tuyên truyền nhận thức của cộng đồng về các rủi ro do thiên tai như bão lũ, hạn hán, lốc xoáy, sét đánh, sạt lở đất,... để có biện pháp phòng chống tích cực; Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp phù hợp với giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và ứng dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường; Định hướng và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, nguồn nước, rừng, nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học:

Đối với đất đai: Có kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý tiết kiệm bền vững theo quy hoạch- kế hoạch được phê duyệt; đảm bảo giao đất- thuê đất- chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch kế hoạch; tăng cường công tác kiểm tra xử lý tình trạng vi phạm pháp luật trong sử dụng đất.

Đối với tài nguyên khoáng sản, nước: Tăng cường công tác quy hoạch, bảo vệ, thanh tra, kiểm tra trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và tài nguyên nước để sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

Tăng cường công tác quản lý bảo vệ phát triển rừng, củng cố công tác khoán quản lý bảo vệ rừng; tăng cường việc phát hiện, xử lý và phòng chống việc xâm nhập động thực vật ngoại lai có hại cho môi trường. Bảo tồn đa dạng sinh học thông qua việc tuyên truyền không sử dụng động thực vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng tại địa phương.

Định hướng và có các giải pháp tăng cường bảo vệ môi trường ở nông thôn: Tiếp tục tổ chức tốt việc thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải nông nghiệp thông qua Ban quản lý dự án công trình công cộng huyện; Tăng cường đầu tư thêm xe chuyên dùng thu gom rác, đáp ứng nhu cầu thực tế; tiếp tục củng cố hoạt động của Nhà máy xử lý rác Ka Đô; tạo điều kiện để chủ đầu tư tiếp tục mở rộng sản xuất sang giai đoạn 2 để tạo thêm sản phẩm phân sinh học trong quá trình xử lý rác; củng cố các mô hình bảo vệ môi trường của các đoàn thể, tổ chức và hộ dân; Tăng cường và phát triển về cây xanh, cây phân tán, cây bóng mát, cảnh quan môi trường trong khu dân cư; ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, hạn chế sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp; phát triển hợp lý diện tích nhà kính nhà lưới trong sản xuất nông nghiệp.

### **6. Đẩy mạnh công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội nông thôn, nhất là ở các vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

Tập trung triển khai tốt nội dung Chương trình đa dạng hóa sinh kế; chỉ đạo, điều hành và đưa ra các giải pháp, biện pháp cụ thể thực hiện công tác giảm nghèo cho từng ngành, từng lĩnh vực và thực hiện tốt chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Thực hiện tốt các chính sách, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn, đẩy mạnh giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt quan tâm đào tạo lao động có kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy năng lực sáng tạo của cộng đồng dân cư trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương gắn với xoá đói giảm nghèo.

Thực hiện chính sách hỗ trợ vay vốn ưu đãi và đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm giúp nông dân đầu tư phát triển nông nghiệp một cách bền vững.

Tuyên truyền, vận động xã hội hóa từ các nguồn lực từ các nhà hảo tâm, các tổ chức, cá nhân giúp đỡ, ủng hộ các hộ nghèo về cơ sở vật chất, tài chính tạo điều kiện cho hộ nghèo phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội.

### **7. Đề xuất đổi mới cơ chế chính sách và tổ chức sản xuất gắn với xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.**

Triển khai thực hiện tốt các chính sách trong phát triển nông nghiệp nông thôn một cách đồng bộ và thống nhất. Chú trọng lồng ghép các nguồn vốn để đảm bảo các nguồn vốn được phát huy hiệu quả.

Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất: Tiếp tục duy trì, củng cố, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, phát triển doanh nghiệp. Thực hiện các hoạt động hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại nâng cao kiến thức về Luật, cơ chế chính sách của Nhà nước, các quy định có liên quan trong quá trình hoạt động và tổ chức sản xuất kinh doanh; Mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ đảm bảo phát triển sản xuất bền vững, hiệu quả; Đẩy mạnh các hoạt động liên kết hợp tác với các công ty, doanh nghiệp, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất nông nghiệp; Xây dựng và phát triển thương hiệu, quảng bá các mặt hàng nông sản, cam kết sản phẩm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm để các mặt hàng nông sản của huyện có thể gia nhập thị trường quốc tế.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông dân: Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó chú trọng đổi mới mô hình và nội dung đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn sản xuất, đặc biệt là kỹ năng vận hành máy móc thiết bị cơ giới hóa, ứng dụng các kỹ thuật canh tác, công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại; kiến thức, kỹ năng trong trồng trọt, chăn nuôi theo các yêu cầu mới.

### **8. Thúc đẩy tham gia cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao nhanh trình độ khoa học công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn**

Nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, chuyên gia, áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tế sản xuất và đời sống. Đổi mới thiết bị và ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản, sơ chế sản phẩm nông nghiệp, chế biến



các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thức ăn chăn nuôi; ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế: Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, khuyến khích các tổ chức và cá nhân sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu.

Hỗ trợ và phát triển đội ngũ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với việc thu hút các doanh nghiệp hạt nhân trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh, nông nghiệp hữu cơ.

**9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy dân chủ và vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển**

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp trong tình hình mới.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm cán bộ, công chức theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp với phong cách làm việc thân thiện, trách nhiệm và hỗ trợ dịch vụ công; củng cố và đổi mới hoạt động khuyến nông viên cơ sở; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp huyện và xã.

Đào tạo kỹ năng chuyên sâu cho một số cán bộ chuyên môn, đặc biệt là cán bộ làm công tác nghiên cứu để nâng cao hiệu quả, tính khả thi các đề tài nghiên cứu, ứng dụng; đào tạo cho cán bộ quản lý các nội dung về hội nhập kinh tế quốc tế.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, hướng về cơ sở, phục vụ dân, sát dân, gần dân, vận động nhân dân tích cực phát triển sản xuất, kinh doanh, xoá đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của nông dân và dân cư nông thôn để vươn lên làm giàu cho chính mình và gia đình, góp phần xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại.

*Trên đây là báo cáo tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Ban Thường vụ Huyện ủy Đơn Dương.*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- TT Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện;
- Các Cơ quan, ban, ngành huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Lưu VPHU.

